TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ -ST
Ngày 14/3/2024.
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn P;
2/. Ông Mai Quốc B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị B – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Bà Đoàn Vũ L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 314/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31 ngày 27/02/2024, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị P T T, sinh năm 1989;
Địa chỉ: ấp Phước Hòa A, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh L Q T, sinh năm 1991;
Địa chỉ: ấp Phước Hòa A, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(ChịT có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị P T T trình bày: Chị với anh L Q T làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2015, còn ngày tháng thì không nhớ, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long. Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh có 01 người con tên L T A, sinh ngày 13/4/2020, hiện đang sống với chị. Về tài sản chung, nợ chung chị và anh không có tài sản chung,

không nợ ai hoặc ai nợ chị, anh. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh L Q T, yêu cầu được tiếp tục nuôi người con tên L T A, sinh ngày 13/4/2020, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh L Q T vắng mặt, mặc dù được Tòa án nhân dân huyện Phước Long triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không có lời khai.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành quy định của khoản 15, 16 và Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P T T, cho chịT được ly hôn với anh L Q T.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu L T A (nam), sinh ngày 13/4/2020 cho chịT trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở; Về cấp dưỡng, do chịT không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị P T T kiện anh L Q T về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. ChịT có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2 tại phiên xét xử nên việc xét xử vắng mặt chịT và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị P T T xác định chị với anh L Q T làm đám cưới năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại Giấy đăng ký kết hôn ngày 18/5/2015, Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, thể hiện chị P T T và anh L Q T đăng ký kết hôn vào ngày 18/5/2015. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chịT và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép

buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay chịT yêu cầu ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn về hôn nhân của chịT và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P T T, cho chịT được ly hôn với anh L Q T.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chị P T T và giấy khai sinh do chịT cung cấp thì chị và anh T có 01 người con tên L T A, sinh ngày 13/4/2020, hiện đang sống với chịT, khi ly hôn chịT có yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy, cháuA đang sống với ổn định với chịT, cháuA đang được chịT nuôi dưỡng, giáo dục bình thường như những đứa trẻ khác và nhằm không làm xáo trộn đời sống của cháu, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu L T A, sinh ngày 13/4/2020, cho chịT chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về cấp dưỡng, do chịT không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết; Anh T có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của chịT thì chị và anh T không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ chị và anh; chịT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị P T T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận T bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P T T, cho chị P T T được ly hôn với anh L Q T.

2/. Về con chung: tiếp tục giao cháu L T A, sinh ngày 13/4/2020, cho chịT chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về cấp dưỡng, do chịT không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết; Anh T có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị P T T phải chịu số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), chịT đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006277 ngày 11 tháng 10 năm 2023 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn